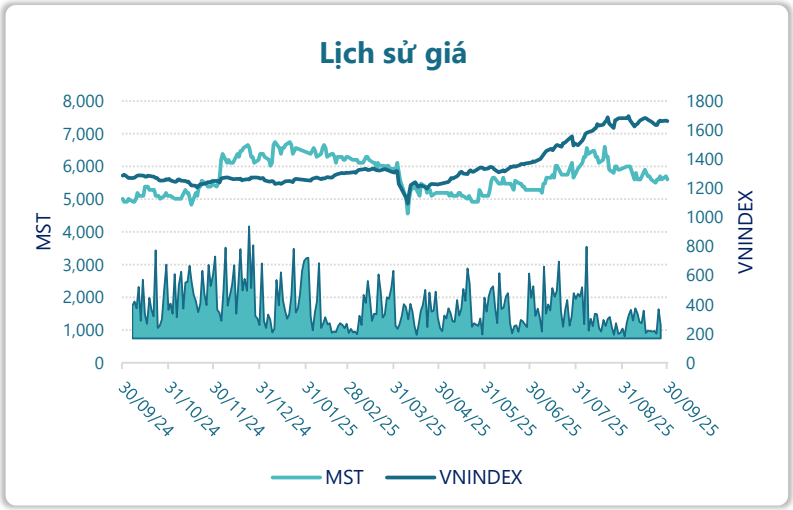
FireAnt

CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,747
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,559
SL cổ phiếu LH	83,604,220
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,925,025
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	468
P/E	22.0
EPS	255

DT thuần

Q3/25

384

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0| 4.5%

YoY: ▲ 110| 40.0%

LN sau thuế

Q3/25

5.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.90| 56.3%

YoY: ▲ 0.09| 1.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.7%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

9T 2025

1,115

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 256| 29.7%

LN sau thuế

9T 2025

15.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.20| 35.4%

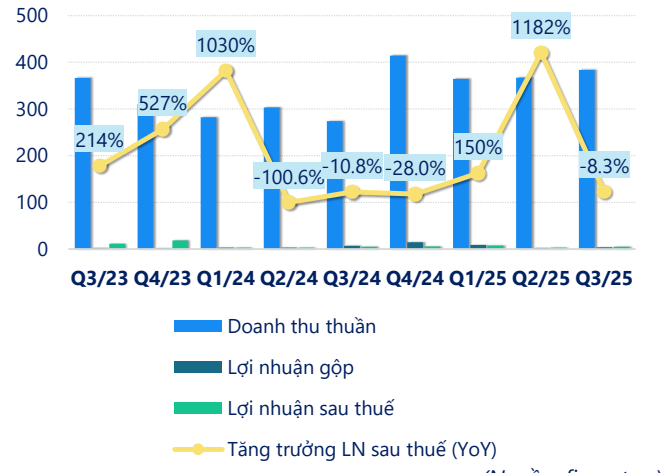
ROE

Q3/25

2.5%

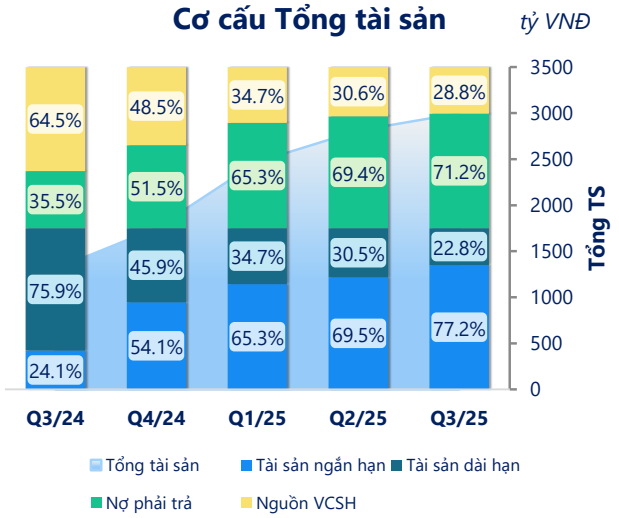
+/- YoY: ▼ 1.0%

Kết quả kinh doanh



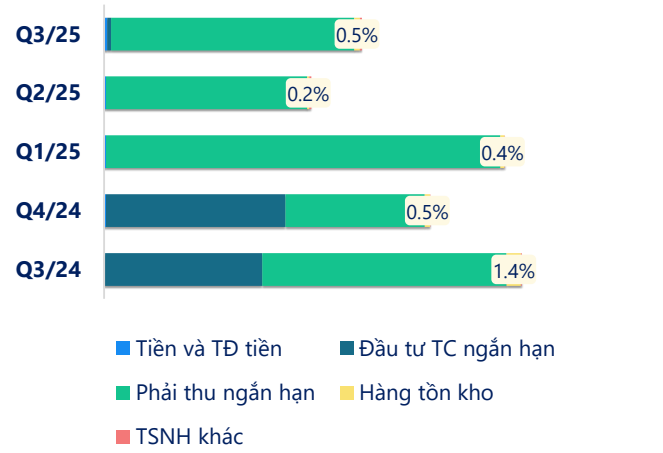
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



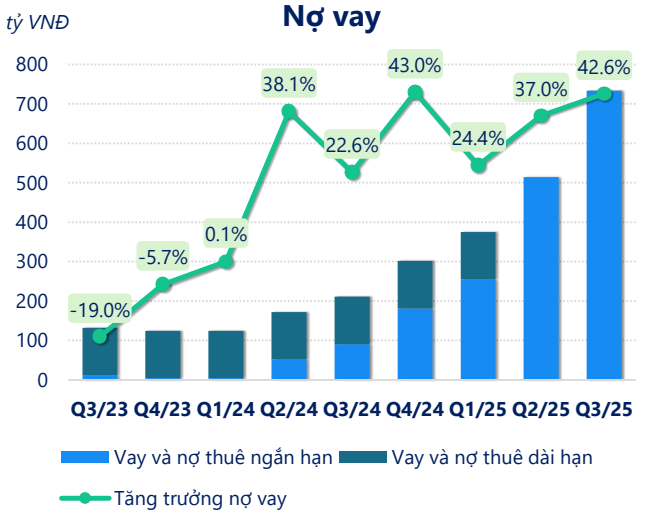
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



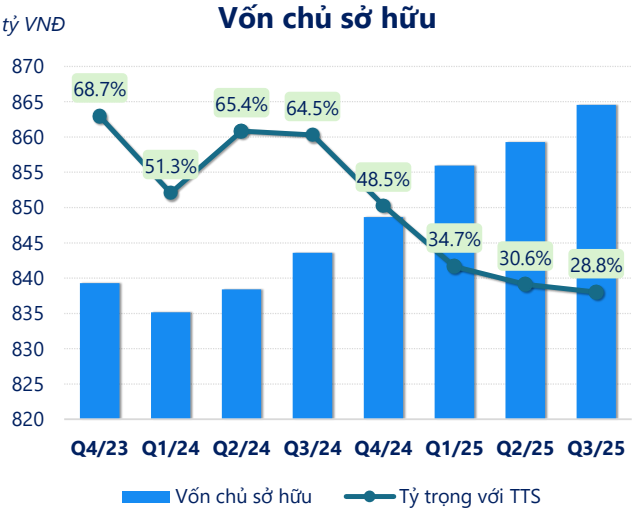
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



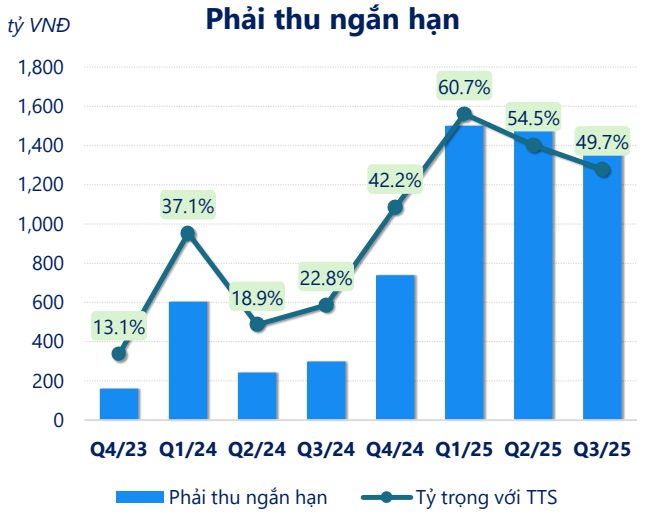
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



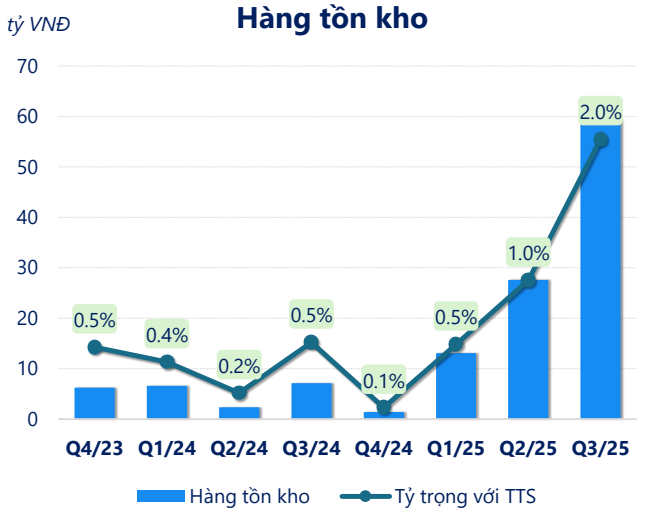
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



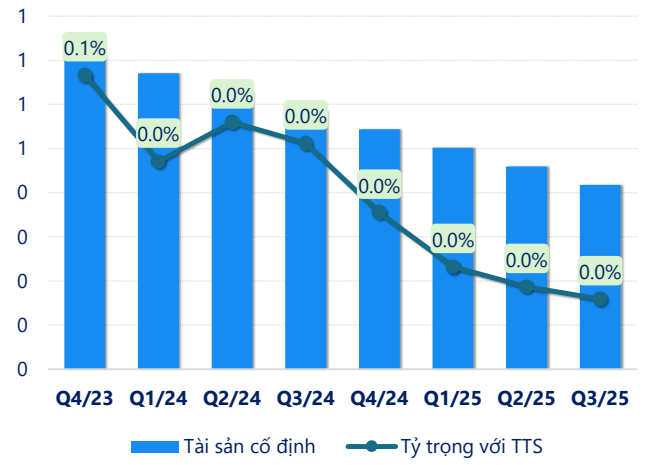
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



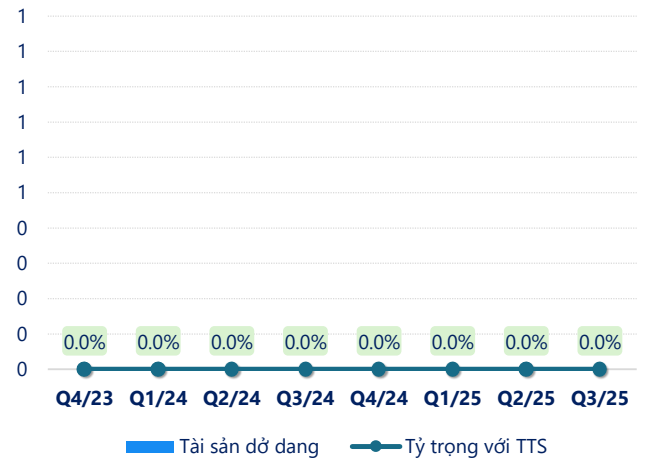
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



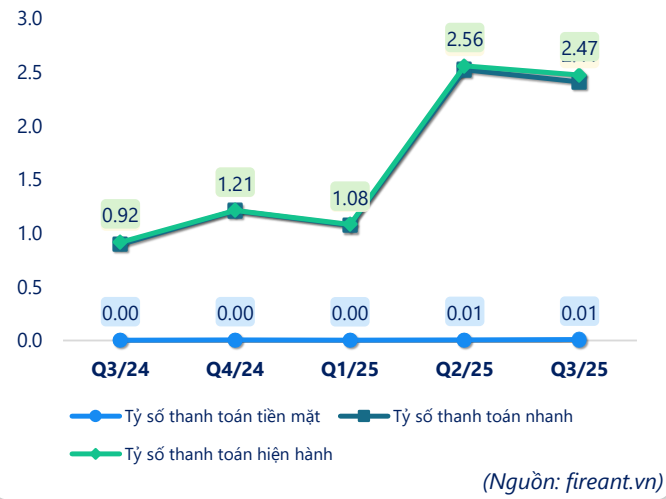
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



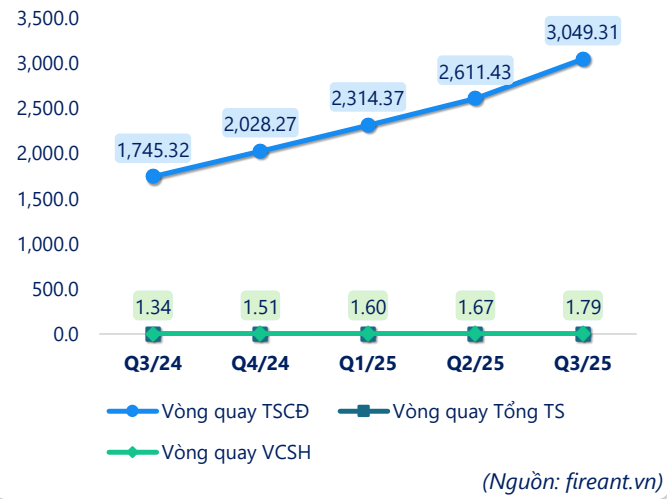
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,308**	**1,751**	**2,470**	**2,811**	**2,998**
Tài sản ngắn hạn	**315**	**946**	**1,614**	**1,955**	**2,314**
Tiền và tương đương tiền	1.40	3.23	4.63	5.16	8.42
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.02	203	95.0	388	754
Phải thu ngắn hạn	299	738	1,500	1,533	1,491
Hàng tồn kho	7.11	1.43	13.1	27.6	59.5
Tài sản ngắn hạn khác	2.65	0.74	1.28	1.35	1.78
Tài sản dài hạn	**993**	**804**	**856**	**856**	**684**
Phải thu dài hạn	120	120	0	0	0
Tài sản cố định	0.59	0.54	0.50	0.46	0.42
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	873	684	856	856	684
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.02	0.02	0.02	0.02
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**465**	**902**	**1,614**	**1,952**	**2,134**
Nợ ngắn hạn	**344**	**782**	**1,494**	**764**	**936**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.6	181	255	514	733
Phải trả người bán ngắn hạn	182	155	186	146	121
Nợ dài hạn	120	120	120	1,188	1,198
Vay và nợ thuê dài hạn	120	120	120	0.21	0.18
Nguồn vốn chủ sở hữu	**844**	**849**	**856**	**859**	**865**
Vốn chủ sở hữu	**844**	**849**	**856**	**859**	**865**
Vốn điều lệ	760	760	760	760	836
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)